



Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam

Vietnam Pepper Association

Head office: 135A Pasteur. Dist. 3 Ho Chi Minh City

Tel: (84-28) 38.237.288 – 38.223.901. Fax: (84-28) 38.223.901

Email: vpa@peppervietnam.com Website: www.peppervietnam.com

BẢN TIN TUẦN IPC

Số 14/20, 30/03-03/04/2020

Tình hình thị trường các nước sản xuất chính

Từ ngày 01/04/2020, Việt Nam thực hiện lệnh cách ly nhằm hạn chế sự lây lan của virus Corona. Thị trường trong tuần này cho thấy phản ứng trái chiều khi chỉ có Việt Nam ghi nhận sự sụt giảm. Tại thị trường địa phương, tiêu đen Malabar được báo cáo với mức tăng 1% so với tuần trước trung bình ở mức 4.219 USD/tấn. Việc tăng giá tiêu đen Malabar có thể là do sự gia tăng của đồng Rupee so với USD. Sau khi lệnh cách ly được thực hiện ở Indonesia, một số thị trường lớn ở Lampung và Bangka, hai khu vực sản xuất tiêu đen và trắng lớn nhất Indonesia đã bị đóng cửa. Do đó, giá tiêu đen Indonesia tăng nhẹ 2% so với tuần trước, trung bình ở mức 1.458 USD/tấn trong khi tiêu trắng Indonesia được báo cáo ổn định ở mức trung bình 2.612 USD/tấn. Tiêu đen và tiêu trắng Malaysia cùng mức tăng 1% so với tuần trước, trung bình ở mức lần lượt là 1.703 USD/tấn và 3.056 USD/tấn. Tiêu đen và tiêu trắng Việt Nam cùng mức giảm 2% so với tuần trước và được giao dịch ở mức trung bình 1.577 USD/tấn đối với tiêu đen và 2.381 USD/tấn đối với tiêu trắng. Giá tiêu đen Sri Lanka giảm 1% so với tuần trước do sự suy yếu của đồng Sri Lanka so với USD, và được giao dịch ở mức trung bình 2.766 USD/tấn. Tiêu trắng Trung Quốc được báo cáo ổn định và ở mức trung bình 4.214 USD/tấn.

Thị trường quốc tế cho thấy xu hướng khá ổn định với sự gia tăng được ghi nhận tại thị trường Indonesia. Tiêu đen Ấn Độ được báo cáo ổn định ở mức trung bình 4.484 USD/tấn. Tiêu đen Indonesia tăng 2% so với tuần trước trung bình ở mức 1.809 USD/tấn, trong khi đó tiêu trắng Indonesia được báo cáo ổn định trung bình ở mức 3.110 USD/tấn. Tiêu đen và tiêu trắng Malaysia tiếp tục được giao dịch ổn định và không thay đổi. Tiêu đen Việt Nam 500 g/l, 550 g/l và tiêu trắng Việt Nam cũng được báo cáo ổn định. Tiêu trắng Trung Quốc ổn định và được giao dịch ở mức trung bình 4.414 USD/tấn.

Giá tại thị trường Hoa Kỳ khá ổn định mặc dù giao dịch chậm và khó có thể đưa ra dự đoán trong tình hình phong tỏa toàn quốc khi Hoa Kỳ trở thành quốc gia có số ca dương tính với virus Corona nhiều nhất thế giới với 228.874 (tính đến 03/04/2020) và 6.095 ca tử vong. Giá Hồ tiêu của các quốc gia sản xuất đang ở mức rất thấp và khó có giảm sâu hơn nữa khi đồng USD đang tăng so với đồng nội tệ khác.

XUẤT KHẨU HỒ TIÊU CỦA SINGAPORE

Singapore, tên chính thức Cộng hòa Singapore, là một quốc đảo ở Đông Nam Á. Mặc dù Singapore là quốc gia sản xuất Hồ tiêu, nhưng Singapore đã xuất khẩu một lượng tiêu đáng kể sang nhiều quốc gia khác.

Năm 2018, Singapore xuất khẩu 4.807 tấn Hồ tiêu trong đó tiêu hạt chiếm 84% tương đương 4.024 tấn và tiêu hạt chiếm 16% tương đương 783 tấn. Trung bình Singapore đã xuất khẩu tổng cộng

401 tấn/tháng trong năm 2018, đạt đỉnh vào tháng 5 với 699 tấn. Tổng kim ngạch xuất khẩu Hồ tiêu của Singapore năm 2018 đạt 21,9 triệu USD. Do đó, ghi nhận mức giá trung bình xuất khẩu ở mức 3.698 USD/tấn đối với tiêu hạt và 9.052 USD/tấn đối với tiêu xay.

Năm 2019 xuất khẩu Hồ tiêu của Singapore có xu hướng giảm. Singapore đã xuất khẩu 2.023 tấn, trong đó tiêu hạt chiếm 97% tương đương 1.963 tấn và tiêu xay chiếm 3% tương đương 60 tấn, ghi nhận mức giảm 58% so với năm 2018. Lượng xuất khẩu Hồ tiêu trung bình của Singapore vào năm 2019 ở mức 169 tấn/tháng, đạt đỉnh vào tháng 5 với 287 tấn. Cùng với sự sụt giảm về lượng, kim ngạch xuất khẩu Hồ tiêu của Singapore cũng đã giảm 71% so với năm trước với tổng số 6,3 triệu USD. Do đó, ghi nhận mức giá trung bình xuất khẩu Hồ tiêu ở mức 3.092 USD/tấn đối với tiêu hạt và 4.935 USD/tấn đối với tiêu xay tức giảm lần lượt 16% và 45% so với năm 2018.

Tính đến tháng 1 năm 2020, Singapore đã xuất khẩu 126 tấn, trong đó có 124 tấn tiêu hạt và 2 tấn tiêu xay. Ghi nhận kim ngạch xuất khẩu đạt 476.000 USD, giảm 49% so với cùng kỳ năm 2019. Giá trung bình xuất khẩu tính Hồ tiêu của Singapore trong tháng 1/2020 ở mức 3.760 USD/tấn đối với tiêu hạt và 5.000 USD/tấn đối với tiêu xay.

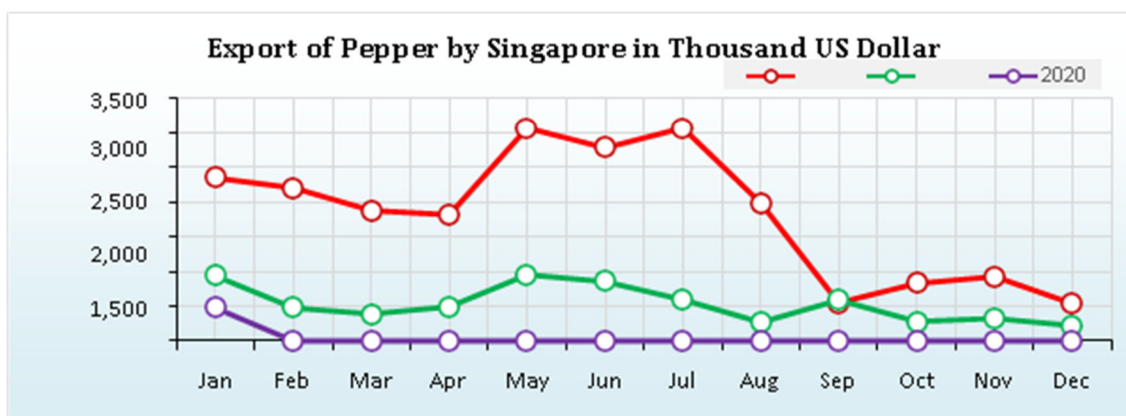
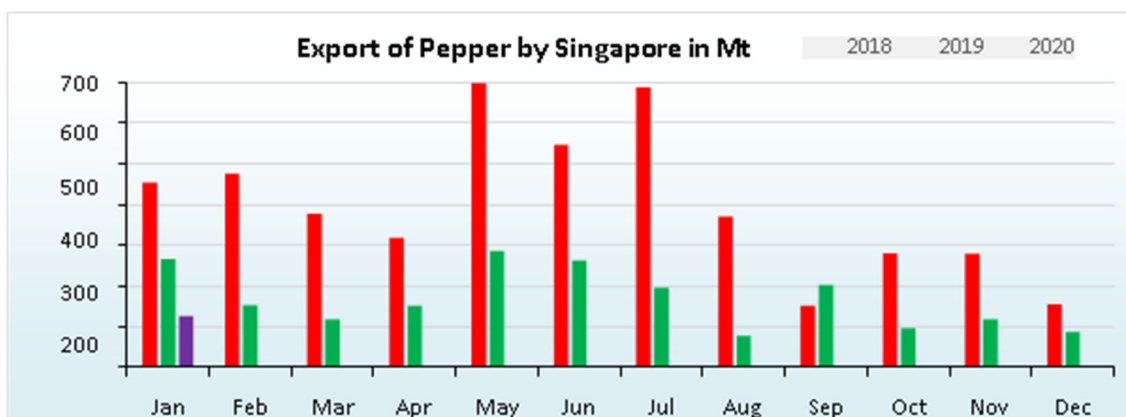
Hồ tiêu xuất khẩu từ Singapore được giao dịch rộng rãi khắp châu Á, châu Mỹ, châu Âu và châu Phi. Tháng 1 năm 2020, Singapore xuất khẩu Hồ tiêu chủ yếu đi Nepal với 25 tấn (giảm 50% so với cùng kỳ năm 2019), Hoa Kỳ với 25 tấn (giảm 50 %), Việt Nam với 17 tấn (2019 NA), Tây Ban Nha với 15 tấn (2019 NA) và Bangladesh với 10 tấn (2019 NA). Lượng Hồ tiêu xuất khẩu sang Hoa Kỳ là do Hoa Kỳ bắt đầu chuyển nhập khẩu tiêu từ các quốc gia sản xuất khác như Việt Nam (tăng 55 tấn tương đương 2% so với cùng kỳ năm 2019) và Ấn Độ (tăng 42 tấn tương đương 11%).

Bảng 1: Xuất khẩu tiêu hạt của Singapore

Tháng	2017		2018		2019	
	Số lượng (tấn)	Giá trị (1000 USD)	Số lượng (tấn)	Giá trị (1000 USD)	Số lượng (tấn)	Giá trị (1000 USD)
1	379	1,530	254	887	124	466
2	445	1,886	154	466		
3	304	1,083	116	368		
4	241	1,071	152	478		
5	587	1,950	273	898		
6	423	1,686	263	841		
7	540	1,828	196	581		
8	258	1,140	75	255		
9	150	522	202	575		
10	277	801	94	264		
11	278	906	100	248		
12	142	480	85	210		
Tổng	4,024	14,883	1,963	6,071	124	466

Bảng 2: Xuất khẩu tiêu xay của Singapore

Tháng	2017		2018		2019	
	Số lượng (tấn)	Giá trị (1000 USD)	Số lượng (tấn)	Giá trị (1000 USD)	Số lượng (tấn)	Giá trị (1000 USD)
1	75	816	14	47	2	10
2	32	316	1	10		
3	75	794	2	20		
4	78	744	1	13		
5	112	1,114	15	55		
6	124	1,093	1	13		
7	148	1,238	1	11		
8	114	845	1	12		
9	4	27	2	15		
10	4	27	2	16		
11	3	19	18	74		
12	15	55	1	9		
Tổng	783	7,088	60	295	2	10



I. Giá thu mua tại các nước sản xuất (USD/tấn)

Thị trường		30/03	31/03	01/04	02/04	03/04	Trung bình		% thay đổi
							Tuần này	Tuần trước	
<u>Tiêu đen</u>									
India	Ex-Kochi	4,221	4,218	4,218	n.a	n.a	4,219	4,198	1%
Indonesia	Ex-Lampung **	1,469	1,466	1,462	1,434	1,458	1,458	1,432	2%
Malaysia	Ex-Kuching	1,699	1,721	1,711	1,688	1,698	1,703	1,691	1%
Viet Nam	Ex-HCMC	1,607	1,586	1,564	1,564	1,564	1,577	1,607	-2%
Sri Lanka		2,760	2,787	2,765	2,767	2,752	2,766	2,791	-1%
<u>Tiêu trắng</u>									
Indonesia	Ex-Pkl.Pinang **	2,632	2,627	2,620	2,569	2,612	2,612	2,620	0%
Malaysia	Ex-Kuching	3,049	3,088	3,070	3,029	3,047	3,056	3,034	1%
Viet Nam	Ex-HCMC	2,431	2,431	2,347	2,347	2,347	2,381	2,426	-2%
China	Ex-Hainan	4,200	4,200	4,228	4,228	n.a	4,214	4,200	0%

* Chuyển đổi từ tỉ giá nội địa

** Nguồn không chính thức

II. Giá FOB (USD/tấn)

Items / ports & grades			30/03	31/03	01/04	02/04	03/04	Trung bình		% thay đổi
								Tuần này	Tuần trước	
<u>Tiêu đen</u>										
Kochi	ASTA		4,486	4,484	4,484	n.a	n.a	4,484	4,462	0%
Lampung **	ASTA		1,822	1,819	1,813	1,778	1,808	1,808	1,779	2%
Kuching **	ASTA		3,685	3,685	3,685	3,685	3,685	3,685	3,685	0%
Ho Chi Minh	500g/l		1,980	1,980	1,980	1,980	1,980	1,980	1,980	0%
Ho Chi Minh	550g/l		2,010	2,010	2,010	2,010	2,010	2,010	2,010	0%
<u>Tiêu trắng</u>										
Pangkal Pinang **	FAQ		3,134	3,128	3,119	3,058	3,109	3,110	3,119	0%
Kuching **	FAQ		5,275	5,275	5,275	5,275	5,275	5,275	5,275	0%
Ho Chi Minh	FAQ		2,910	2,910	2,910	2,910	2,910	2,910	2,910	0%
Haikou	FAQ		4,400	4,400	4,428	4,428	n.a	4,414	4,400	0%

III. Giá mua tại New York (USD/tấn)

Chủng loại	Giao ngay		Tương lai		
	20/03	13/03		20/03	13/03
Mal/Lam/Sar. Black	n.a	n.a	M/L/S/B/V Black	n.a	n.a
Mal/Lam/Sar/Braz/Viet Black	n.a	n.a	M/L/S/B/V Black	n.a	n.a
Muntok White	n.a	n.a	Mtk/Sar/Brz White	n.a	n.a
Sar/Braz/Viet White	n.a	n.a	Vietnam White	n.a	n.a
Chủng loại	Tương lai				
	Tuần này		Tuần trước		
Malabar black (Garbled 1)	4,100 CFNY May/June		n.a		
Lampung black (ASTA)	2,250 CFNY June/Jul/Aug		n.a		
Sri Lanka Black	n.a		n.a		
Brazil black (ASTA)	n.a		n.a		
Sarawak black (YL)	2,500 FOB Sibu		n.a		
Viet Nam black (ASTA)	2,150 CFNY May/June		n.a		
Muntok white (DW)	n.a		n.a		
Muntok white (FAQ)	3,900 CFNY June		n.a		
Sulawesi Soroako white	n.a		n.a		
Sarawak white (BL)	4,300 FOB		n.a		
Viet Nam white (DW)	3,200 CFNY May/June		n.a		

Tỷ giá USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	7.08	75.37	16,464	4.35	23,650	190.06
Tuần trước	7.08	75.76	16,413	4.38	23,701	188.35

Lưu ý:

- Tất cả các mức giá trên là giá trung bình và mang tính chất tham khảo. Các doanh nghiệp phải tự quyết định mức giá quy định trong hợp đồng mua bán và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về giá cả mua bán được ký kết trong hợp đồng do doanh nghiệp quyết định.
- “n.a.”: không có giá

Nguồn: IPC, MARD